

Số : 743 /TB-ĐHĐN

Đồng Nai, ngày 14 tháng 05 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v đóng học phí các lớp Đại học liên thông khóa 13, khóa 14

Kính gửi :

- Phòng Đào tạo;
- Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- Học viên các lớp đại học liên thông khóa 13, khóa 14.

Căn cứ vào Kế hoạch năm học 2024-2025.

Căn cứ vào Thông báo số 1765/TB-ĐHĐN ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai về việc thu học phí, lệ phí đối với các lớp liên thông, vừa làm vừa học năm học 2024-2025.

Theo báo cáo của Phòng Kế hoạch - Tài chính về tình hình thu học phí các lớp liên thông khóa 13, khóa 14. Trường Đại học Đồng Nai đề nghị học viên các lớp Đại học liên thông khóa 13, khóa 14 đóng học phí năm học 2023-2024; năm học 2024-2025. (Danh sách đính kèm)

STT	Ngành học	Ngành học	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
I.	Liên thông Khóa 13:		Học phí /1 Học kỳ	Học phí /1 Học kỳ
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Các ngành sư phạm	6.300.000	7.237.500
II.	Liên thông Khóa 14:			
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Các ngành sư phạm		7.237.500
2	Khối ngành III. Kinh doanh và quản lý	Kế toán Quản trị kinh doanh		7.237.500

Thời gian đóng học phí, lệ phí: Từ ngày 14/05/2025 đến ngày 31/05/2025

Hình thức nộp học phí: Cổng thanh toán trực tuyến e-bills.vn/pay/dnpv

Đề nghị các học viên đóng học phí, lệ phí theo đúng thời gian quy định của nhà trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ĐU; HĐT; BGH;
- Lưu VT, KHTC (Giang).

HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Anh Đức

DANH SÁCH SINH VIÊN LỚP CAO ĐẲNG MẦM NON LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC, TRUNG CẤP MẦM NON LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC
KHÓA 13 CHƯA ĐÓNG TIỀN HỌC PHÍ
NĂM HỌC: 2023-2024, 2024-2025
(Cập nhật đến 10:14 AM ngày 13/05/2025)

ĐVT: đồng

STT	Lớp	MSSV	Họ tên	Năm học	Học kỳ	Học phí	Đã đóng/giảm	Còn nợ
1	CDMNLTDH13	3231050001	Nguyễn Thị Ân	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.437.500	0	7.437.500
2	CDMNLTDH13	3231050003	Trần Thị Tuấn Anh	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.437.500	0	7.437.500
3	CDMNLTDH13	3231050004	Phạm Hồng Diễm	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.437.500	0	7.437.500
4	CDMNLTDH13	3231050005	Đậu Thị Diện	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.437.500	0	7.437.500
5	CDMNLTDH13	3231050006	Ngô Phương Hồng Hạnh	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.437.500	0	7.437.500
6	CDMNLTDH13	3231050010	Trần Ngọc Huyền	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.437.500	0	7.437.500
7	CDMNLTDH13	3231050011	Nguyễn Hoàng Linh	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.437.500	0	7.437.500
8	CDMNLTDH13	3231050012	Vũ Thị Huyền Linh	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.437.500	0	7.437.500
9	CDMNLTDH13	3231050013	Phạm Vũ Trúc Linh	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.437.500	0	7.437.500
10	CDMNLTDH13	3231050014	Nguyễn Thị Tuyết Mai	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.437.500	0	7.437.500
11	CDMNLTDH13	3231050015	Trần Thị Quỳnh Nga	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.437.500	0	7.437.500
12	CDMNLTDH13	3231050016	Tạ Thị Hồng Ngọc	2023-2024	HK01 - Học kỳ 1	7.050.000	0	7.050.000
13	CDMNLTDH13	3231050016	Tạ Thị Hồng Ngọc	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
14	CDMNLTDH13	3231050016	Tạ Thị Hồng Ngọc	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
15	CDMNLTDH13	3231050017	Huỳnh Thị Quỳnh Như	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.437.500	0	7.437.500
16	CDMNLTDH13	3231050019	Trần Thị Phương	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.437.500	0	7.437.500
17	CDMNLTDH13	3231050020	Trần Thị Phượng	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.437.500	0	7.437.500
18	CDMNLTDH13	3231050021	Trần Thị Thẩm	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.437.500	0	7.437.500
19	CDMNLTDH13	3231050023	Bùi Thị Thanh Thảo	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.437.500	0	7.437.500
20	CDMNLTDH13	3231050024	Vũ Thị Thu Thủy	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.437.500	0	7.437.500
21	CDMNLTDH13	3231050025	Phạm Ngọc Thanh Xuân	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.437.500	0	7.437.500
22	CDMNLTDH13	3231050026	Trần Lê Bạch Yến	2023-2024	HK01 - Học kỳ 1	7.050.000	0	7.050.000
23	CDMNLTDH13	3231050026	Trần Lê Bạch Yến	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
24	CDMNLTDH13	3231050026	Trần Lê Bạch Yến	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
25	CDMNLTDH13	3231050027	Trần Bạch Yến	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.437.500	0	7.437.500
26	CDTHLTDH13	3231070001	Nguyễn Minh Anh	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
27	CDTHLTDH13	3231070001	Nguyễn Minh Anh	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
28	CDTHLTDH13	3231070002	Lê Thị Minh Anh	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
29	CDTHLTDH13	3231070003	Trần Nguyễn Kim Thiên An	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
30	CDTHLTDH13	3231070004	Đỗ Thị Vân Anh	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
31	CDTHLTDH13	3231070005	Nguyễn Ngọc Vân Anh	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
32	CDTHLTDH13	3231070006	Phạm Thị Ngọc Bích	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
33	CDTHLTDH13	3231070006	Phạm Thị Ngọc Bích	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
34	CDTHLTDH13	3231070007	Nguyễn Văn Thành Đạt	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
35	CDTHLTDH13	3231070007	Nguyễn Văn Thành Đạt	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
36	CDTHLTDH13	3231070008	Nguyễn Thị Thủy Dung	2023-2024	HK01 - Học kỳ 1	7.050.000	0	7.050.000
37	CDTHLTDH13	3231070008	Nguyễn Thị Thủy Dung	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
38	CDTHLTDH13	3231070008	Nguyễn Thị Thủy Dung	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
39	CDTHLTDH13	3231070009	Đỗ Hồng Thủy Dương	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
40	CDTHLTDH13	3231070010	Phan Thị Cẩm Giang	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500

STT	Lớp	MSSV	Họ tên	Năm học	Học kỳ	Học phí	Đã đóng/giảm	Còn nợ
41	CDTHLTDH13	3231070012	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2023-2024	HK01 - Học kỳ 1	7.050.000	0	7.050.000
42	CDTHLTDH13	3231070012	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
43	CDTHLTDH13	3231070012	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
44	CDTHLTDH13	3231070013	Trang Nguyễn Thanh Hiền	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
45	CDTHLTDH13	3231070013	Trang Nguyễn Thanh Hiền	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
46	CDTHLTDH13	3231070014	Bùi Thị Thảo Hiền	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
47	CDTHLTDH13	3231070015	Phan Thị Hiệu	2023-2024	HK01 - Học kỳ 1	7.050.000	0	7.050.000
48	CDTHLTDH13	3231070015	Phan Thị Hiệu	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
49	CDTHLTDH13	3231070015	Phan Thị Hiệu	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
50	CDTHLTDH13	3231070016	Lâm Thị Ngọc Hoà	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
51	CDTHLTDH13	3231070018	Trần Thị Thanh Hương	2023-2024	HK01 - Học kỳ 1	7.050.000	0	7.050.000
52	CDTHLTDH13	3231070018	Trần Thị Thanh Hương	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
53	CDTHLTDH13	3231070018	Trần Thị Thanh Hương	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
54	CDTHLTDH13	3231070019	Phạm Thị Thanh Hương	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
55	CDTHLTDH13	3231070021	Bùi Thị Huyền	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
56	CDTHLTDH13	3231070022	Thân Nguyễn Ánh Linh	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
57	CDTHLTDH13	3231070023	Nguyễn Thị Ngọc Linh	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
58	CDTHLTDH13	3231070024	Nguyễn Thị Ngọc Linh	2023-2024	HK01 - Học kỳ 1	7.050.000	0	7.050.000
59	CDTHLTDH13	3231070024	Nguyễn Thị Ngọc Linh	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
60	CDTHLTDH13	3231070024	Nguyễn Thị Ngọc Linh	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
61	CDTHLTDH13	3231070028	Võ Hoàng Mai	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
62	CDTHLTDH13	3231070029	Thắm Thị May	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
63	CDTHLTDH13	3231070030	Nguyễn Thị Hà My	2023-2024	HK01 - Học kỳ 1	7.050.000	0	7.050.000
64	CDTHLTDH13	3231070030	Nguyễn Thị Hà My	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
65	CDTHLTDH13	3231070030	Nguyễn Thị Hà My	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
66	CDTHLTDH13	3231070031	Nguyễn Cao Quỳnh Ngân	2023-2024	HK01 - Học kỳ 1	7.050.000	0	7.050.000
67	CDTHLTDH13	3231070031	Nguyễn Cao Quỳnh Ngân	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
68	CDTHLTDH13	3231070031	Nguyễn Cao Quỳnh Ngân	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
69	CDTHLTDH13	3231070032	Nguyễn Thị Hồng Nhã	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
70	CDTHLTDH13	3231070032	Nguyễn Thị Hồng Nhã	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
71	CDTHLTDH13	3231070033	Nguyễn Thị Thanh Nhân	2023-2024	HK01 - Học kỳ 1	7.050.000	0	7.050.000
72	CDTHLTDH13	3231070033	Nguyễn Thị Thanh Nhân	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
73	CDTHLTDH13	3231070033	Nguyễn Thị Thanh Nhân	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
74	CDTHLTDH13	3231070034	Nguyễn Ngọc Linh Nhi	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
75	CDTHLTDH13	3231070034	Nguyễn Ngọc Linh Nhi	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
76	CDTHLTDH13	3231070035	Phạm Thị Hải Như	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
77	CDTHLTDH13	3231070035	Phạm Thị Hải Như	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
78	CDTHLTDH13	3231070036	Lê Phạm Diễm Phương	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
79	CDTHLTDH13	3231070037	Phan Thị Minh Phương	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
80	CDTHLTDH13	3231070038	Bùi Vũ Ngọc Quỳnh	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
81	CDTHLTDH13	3231070039	Nguyễn Phương Quỳnh	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
82	CDTHLTDH13	3231070040	Nguyễn Thị Thu Thảo	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
83	CDTHLTDH13	3231070040	Nguyễn Thị Thu Thảo	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
84	CDTHLTDH13	3231070042	Nguyễn Thị Tuyết Thảo	2023-2024	HK01 - Học kỳ 1	7.050.000	0	7.050.000
85	CDTHLTDH13	3231070042	Nguyễn Thị Tuyết Thảo	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000

STT	Lớp	MSSV	Họ tên	Năm học	Học kỳ	Học phí	Đã đóng/giảm	Còn nợ
86	CDTHLTDH13	3231070042	Nguyễn Thị Tuyết Thảo	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
87	CDTHLTDH13	3231070043	Nguyễn Thị Thu	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
88	CDTHLTDH13	3231070043	Nguyễn Thị Thu	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
89	CDTHLTDH13	3231070044	Đoàn Thị Hoài Thương	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
90	CDTHLTDH13	3231070044	Đoàn Thị Hoài Thương	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
91	CDTHLTDH13	3231070045	Nguyễn Thị Thuý	2023-2024	HK01 - Học kỳ 1	7.050.000	0	7.050.000
92	CDTHLTDH13	3231070045	Nguyễn Thị Thuý	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
93	CDTHLTDH13	3231070045	Nguyễn Thị Thuý	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
94	CDTHLTDH13	3231070046	Nguyễn Thị Thuý	2023-2024	HK01 - Học kỳ 1	7.050.000	0	7.050.000
95	CDTHLTDH13	3231070046	Nguyễn Thị Thuý	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
96	CDTHLTDH13	3231070046	Nguyễn Thị Thuý	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
97	CDTHLTDH13	3231070047	Nguyễn Ngọc Đan Thy	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
98	CDTHLTDH13	3231070047	Nguyễn Ngọc Đan Thy	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
99	CDTHLTDH13	3231070048	Nguyễn Thị Thuý Tiên	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
100	CDTHLTDH13	3231070049	Đặng Lê Huyền Trang	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
101	CDTHLTDH13	3231070050	Nguyễn Vũ Thuý Trang	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
102	CDTHLTDH13	3231070051	Nguyễn Thị Huyền Trinh	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
103	CDTHLTDH13	3231070052	Lê Thị Việt Trinh	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
104	CDTHLTDH13	3231070052	Lê Thị Việt Trinh	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
105	CDTHLTDH13	3231070053	Nguyễn Thị Như Tuyền	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
106	TCMNLTDH13	3231090002	Nguyễn Thị Ngọc Bích	2023-2024	HK01 - Học kỳ 1	7.050.000	0	7.050.000
107	TCMNLTDH13	3231090002	Nguyễn Thị Ngọc Bích	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
108	TCMNLTDH13	3231090002	Nguyễn Thị Ngọc Bích	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
109	TCMNLTDH13	3231090003	Hoàng Bích Chi	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
110	TCMNLTDH13	3231090004	Nguyễn Thị Thuý Dương	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
111	TCMNLTDH13	3231090005	Phạm Thị Ngọc Hải	2023-2024	HK01 - Học kỳ 1	7.050.000	0	7.050.000
112	TCMNLTDH13	3231090005	Phạm Thị Ngọc Hải	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
113	TCMNLTDH13	3231090005	Phạm Thị Ngọc Hải	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
114	TCMNLTDH13	3231090006	Trần Thị Thuý Hằng	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
115	TCMNLTDH13	3231090007	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2023-2024	HK01 - Học kỳ 1	7.050.000	0	7.050.000
116	TCMNLTDH13	3231090007	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
117	TCMNLTDH13	3231090007	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
118	TCMNLTDH13	3231090008	Nguyễn Thị Thu Hiền	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
119	TCMNLTDH13	3231090011	Lê Thị Kiều	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
120	TCMNLTDH13	3231090012	Nguyễn Thị Mai Lành	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
121	TCMNLTDH13	3231090012	Nguyễn Thị Mai Lành	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
122	TCMNLTDH13	3231090013	Nguyễn Thị Diệu Lành	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
123	TCMNLTDH13	3231090015	Lê Thị Trà My	2023-2024	HK01 - Học kỳ 1	7.050.000	0	7.050.000
124	TCMNLTDH13	3231090015	Lê Thị Trà My	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
125	TCMNLTDH13	3231090015	Lê Thị Trà My	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
126	TCMNLTDH13	3231090016	Vũ Thị Tuyết Nga	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
127	TCMNLTDH13	3231090017	Nguyễn Thị Hồng Phương	2023-2024	HK02 - Học kỳ 2	6.300.000	0	6.300.000
128	TCMNLTDH13	3231090017	Nguyễn Thị Hồng Phương	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
129	TCMNLTDH13	3231090019	Nguyễn Thị Mến Thương	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500
130	TCMNLTDH13	3231090020	Nguyễn Thị Thùy Trang	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500

STT	Lớp	MSSV	Họ tên	Năm học	Học kỳ	Học phí	Đã đóng/giảm	Còn nợ
131	TCMNLTDH13	3231090021	Nguyễn Thị Hải Trúc	2024-2025	HK01 - Học kỳ 3	7.237.500	0	7.237.500

*Lưu ý: Sinh viên đã đóng tiền học phí đầy đủ sau thời gian 10:14 AM ngày 13/05/2025 mà có tên trong danh sách nợ vui lòng bỏ qua, Phòng Kế hoạch – Tài chính sẽ cập nhật sau.

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Trà Giang

Đồng Nai, ngày 14 tháng 05 năm 2025

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Trần Thị Thu Trang

DANH SÁCH SINH VIÊN LỚP CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC, TRUNG CẤP LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC KHÓA 14
CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ THIẾT KẾ - NĂM HỌC: 2024-2025
(Cập nhật đến 10:14 AM ngày 13/05/2025)

ĐVT: đồng

STT	Lớp	MSSV	Họ tên	Năm học	Học kỳ	Học phí	Đã đóng/giảm	Còn nợ
1	CDMNLTDH14	3241050001	Trần Thị Quỳnh Hương	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
2	CDMNLTDH14	3241050002	Phạm Thị Bích Huyền	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
3	CDMNLTDH14	3241050003	Nguyễn Thị Hương Lan	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
4	CDMNLTDH14	3241050004	Đào Nhã Minh	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	0	7.317.500
5	CDMNLTDH14	3241050004	Đào Nhã Minh	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
6	CDMNLTDH14	3241050005	Nguyễn Thị Kim Ngân	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
7	CDMNLTDH14	3241050006	Đỗ Thị Thu Ngân	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
8	CDMNLTDH14	3241050007	Hoàng Ánh Nguyên	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
9	CDMNLTDH14	3241050009	Trịnh Thị Huỳnh Như	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
10	CDMNLTDH14	3241050010	Trịnh Thị Thiên	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
11	CDMNLTDH14	3241050011	Nguyễn Thị Mộng Thường	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
12	CDMNLTDH14	3241050012	Nguyễn Thị Thanh Thúy	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
13	CDMNLTDH14	3241050013	Phan Thị Kim Thùy	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
14	CDMNLTDH14	3241050014	Đỗ Trần Thùy Tiên	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
15	CDMNLTDH14	3241050015	Phạm Thị Thanh Trang	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
16	CDMNLTDH14	3241050016	Tạ Thị Thùy Trang	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
17	CDTHLTDH14	3241070001	Lý Thị Tuyết Anh	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
18	CDTHLTDH14	3241070002	Trần Thị Ngọc Ánh	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
19	CDTHLTDH14	3241070003	Trần Thị Dũng	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	0	7.317.500
20	CDTHLTDH14	3241070003	Trần Thị Dũng	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	9037500	0	9037500
21	CDTHLTDH14	3241070004	Lương Tiến Dũng	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
22	CDTHLTDH14	3241070005	Đinh Thị Thanh Hải	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	9037500	0	9037500
23	CDTHLTDH14	3241070006	Hồ Thị Hằng	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	0	7.317.500
24	CDTHLTDH14	3241070006	Hồ Thị Hằng	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	9037500	0	9037500
25	CDTHLTDH14	3241070007	Ngô Thị Kiều Hạnh	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	9.037.500	1.800.000	7.237.500
26	CDTHLTDH14	3241070008	Huỳnh Thị Bích Hạnh	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
27	CDTHLTDH14	3241070009	Phan Thị Bích Hạnh	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	0	7.317.500
28	CDTHLTDH14	3241070009	Phan Thị Bích Hạnh	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	9037500	0	9037500
29	CDTHLTDH14	3241070010	Lê Thị Thuỳ Hoa	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	9037500	0	9037500
30	CDTHLTDH14	3241070011	Nguyễn Thị Kim Hương	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
31	CDTHLTDH14	3241070012	Võ Thị Tố Kiều	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
32	CDTHLTDH14	3241070015	Chu Thị Mai	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
33	CDTHLTDH14	3241070016	Phạm Thị Mai	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	9037500	0	9037500
34	CDTHLTDH14	3241070017	Lê Thị Ngọc	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
35	CDTHLTDH14	3241070018	Bá Thị Phương	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
36	CDTHLTDH14	3241070019	Ngô Thị Quý	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
37	CDTHLTDH14	3241070020	Nguyễn Thị Hồng Sâm	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	9.037.500	1.800.000	7.237.500

STT	Lớp	MSSV	Họ tên	Năm học	Học kỳ	Học phí	Đã đóng/giảm	Còn nợ
38	CDTHLTDH14	3241070021	Đoàn Văn Sáng	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
39	CDTHLTDH14	3241070022	Nguyễn Thị Kim Thanh	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
40	CDTHLTDH14	3241070024	Nguyễn Thị Thùy	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
41	CDTHLTDH14	3241070025	Nguyễn Thị Thuý Tiên	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
42	CDTHLTDH14	3241070026	Phạm Thị Trang	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	9.037.500	1.800.000	7.237.500
43	CDTHLTDH14	3241070027	Nguyễn Thị Vân	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
44	CDTHLTDH14	3241070028	Võ Ngọc Xuân	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
45	CDTHLTDH14	3241070029	Phạm Hoàng Yến	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
46	CDTHLTDH14	3241070030	Nguyễn Thị Yến	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	0	7.317.500
47	CDTHLTDH14	3241070030	Nguyễn Thị Yến	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
48	CDKTLTDH14	3241080001	Vũ Thị Mỹ Duyên	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	0	7.317.500
49	CDKTLTDH14	3241080001	Vũ Thị Mỹ Duyên	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
50	CDKTLTDH14	3241080002	Nguyễn Thị Kim Hoa	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	9037500	0	9037500
51	CDKTLTDH14	3241080003	Trương Thị Hường	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	0	7.317.500
52	CDKTLTDH14	3241080003	Trương Thị Hường	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
53	CDKTLTDH14	3241080004	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
54	CDKTLTDH14	3241080006	Dương Hoài Nam	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8.217.500	980.000	7.237.500
55	CDKTLTDH14	3241080007	Phạm Thị Thanh Ngân	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8217500	0	8217500
56	CDKTLTDH14	3241080008	Nguyễn Thị Yến Nghi	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	0	7.317.500
57	CDKTLTDH14	3241080008	Nguyễn Thị Yến Nghi	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8217500	0	8217500
58	CDKTLTDH14	3241080009	Nguyễn Thị Ngọc	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	9.037.500	1.800.000	7.237.500
59	CDKTLTDH14	3241080010	Vương Hoàng Yến Nhi	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8217500	0	8217500
60	CDKTLTDH14	3241080011	Phan Đỗ Quỳnh Như	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8.217.500	980.000	7.237.500
61	CDKTLTDH14	3241080012	Hoàng Thị Hoài Phương	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
62	CDKTLTDH14	3241080013	Trương Thị Hà Phương	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	0	7.317.500
63	CDKTLTDH14	3241080013	Trương Thị Hà Phương	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
64	CDKTLTDH14	3241080014	Nguyễn Anh Quân	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	0	7.317.500
65	CDKTLTDH14	3241080014	Nguyễn Anh Quân	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8217500	0	8217500
66	CDKTLTDH14	3241080015	Đặng Thị Thanh Tâm	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8.217.500	980.000	7.237.500
67	CDKTLTDH14	3241080016	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
68	CDKTLTDH14	3241080018	Hồ Nguyễn Minh Trung	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
69	CDKTLTDH14	3241080020	Nguyễn Ngọc Tỷ	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	80.000	7.237.500
70	CDKTLTDH14	3241080020	Nguyễn Ngọc Tỷ	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8217500	0	8217500
71	CDKTLTDH14	3241080021	Vi Thị Vân	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8.217.500	980.000	7.237.500
72	CDKTLTDH14	3241080022	Phạm Nguyễn Long Vy	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
73	CDKTLTDH14	3241080024	Nguyễn Thị Hà Xuyên	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
74	TCMNLTDH14	3241090001	Quách Đỗ Thuý Anh	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
75	TCMNLTDH14	3241090002	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8.546.500	1.309.000	7.237.500
76	TCMNLTDH14	3241090003	Phan Thị Mỹ Diễm	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	9.037.500	1.800.000	7.237.500
77	TCMNLTDH14	3241090004	Nguyễn Thuý Duyên	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
78	TCMNLTDH14	3241090005	Phạm Thị Hồng	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	0	7.317.500
79	TCMNLTDH14	3241090005	Phạm Thị Hồng	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500

STT	Lớp	MSSV	Họ tên	Năm học	Học kỳ	Học phí	Đã đóng/giảm	Còn nợ
80	TCMNLTDH14	3241090006	Trương Thị Kiều	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8.546.500	1.309.000	7.237.500
81	TCMNLTDH14	3241090007	Lương Thị Liễu	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8.546.500	1.309.000	7.237.500
82	TCMNLTDH14	3241090008	Nguyễn Hoàng Nghĩa	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8.546.500	1.309.000	7.237.500
83	TCMNLTDH14	3241090009	Nguyễn Thị Quỳnh Như	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8.546.500	1.309.000	7.237.500
84	TCMNLTDH14	3241090010	Nguyễn Thị Nhung	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	0	7.317.500
85	TCMNLTDH14	3241090010	Nguyễn Thị Nhung	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
86	TCMNLTDH14	3241090011	Nguyễn Vũ Hoài Phương	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	0	7.317.500
87	TCMNLTDH14	3241090011	Nguyễn Vũ Hoài Phương	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
88	TCMNLTDH14	3241090012	Mã Thị Thâm	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8.546.500	1.309.000	7.237.500
89	TCMNLTDH14	3241090013	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8.546.500	1.309.000	7.237.500
90	TCMNLTDH14	3241090014	Đoàn Kim Anh Thi	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8546500	0	8546500
91	TCMNLTDH14	3241090015	Hồ Thị Phương Thiệp	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
92	TCMNLTDH14	3241090016	Nguyễn Thị Thùy	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8.546.500	1.309.000	7.237.500
93	TCMNLTDH14	3241090017	Lưu Thị Trang	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8.546.500	1.309.000	7.237.500
94	TCMNLTDH14	3241090018	Nguyễn Thị Thủy Trang	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8.546.500	1.309.000	7.237.500
95	TCMNLTDH14	3241090019	Phạm Thị Thủy Trang	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8.546.500	1.309.000	7.237.500
96	TCMNLTDH14	3241090020	Nguyễn Thị Kim Trang	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	0	7.317.500
97	TCMNLTDH14	3241090020	Nguyễn Thị Kim Trang	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
98	TCMNLTDH14	3241090021	Cao Thị Thanh Tuyền	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8.546.500	1.309.000	7.237.500
99	TCMNLTDH14	3241090022	Huỳnh Thanh Tuyền	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8.546.500	1.309.000	7.237.500
100	TCMNLTDH14	3241090023	Lại Thị Kim Uyên	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8.546.500	1.309.000	7.237.500
101	TCMNLTDH14	3241090024	Nguyễn Thị Thanh Xuân	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	9.037.500	1.800.000	7.237.500
102	TCMNLTDH14	3241090025	Dư Thị Yến	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	0	7.317.500
103	TCMNLTDH14	3241090025	Dư Thị Yến	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
104	TCKTLTDH14	3241100002	Ngô Tấn Đạt	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8546500	0	8546500
105	TCKTLTDH14	3241100003	Nguyễn Thị Tường Diệu	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	0	7.317.500
106	TCKTLTDH14	3241100003	Nguyễn Thị Tường Diệu	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8546500	0	8546500
107	TCKTLTDH14	3241100004	Trần Thị Hà My	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8546500	0	8546500
108	TCKTLTDH14	3241100005	Vũ Thị Trà My	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8.546.500	1.309.000	7.237.500
109	TCKTLTDH14	3241100006	Nguyễn Trúc Uyên Nhi	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8.546.500	1.309.000	7.237.500
110	TCKTLTDH14	3241100008	Phan Châu Văn Quỳnh	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8.546.500	1.309.000	7.237.500
111	TCKTLTDH14	3241100009	Trần Thị Thịnh	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	0	7.317.500
112	TCKTLTDH14	3241100009	Trần Thị Thịnh	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8546500	0	8546500
113	TCKTLTDH14	3241100010	Thái Bảo Trân	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8.546.500	1.309.000	7.237.500
114	TCKTLTDH14	3241100011	Lê Thị Cẩm Tú	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	0	7.317.500
115	TCKTLTDH14	3241100011	Lê Thị Cẩm Tú	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	8546500	0	8546500
116	CDTALTDH14	3241120001	Lưu Ngọc Anh	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
117	CDTALTDH14	3241120002	Hồ Tuấn Cảnh	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
118	CDTALTDH14	3241120003	Cao Thị Châu	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
119	CDTALTDH14	3241120004	Trần Thị Phương Chi	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	0	7.317.500
120	CDTALTDH14	3241120004	Trần Thị Phương Chi	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
121	CDTALTDH14	3241120005	Nguyễn Thùy Duyên	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500

STT	Lớp	MSSV	Họ tên	Năm học	Học kỳ	Học phí	Đã đóng/giảm	Còn nợ
122	CDTALTDH14	3241120006	Lê Thị Mỹ Duyên	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	0	7.317.500
123	CDTALTDH14	3241120006	Lê Thị Mỹ Duyên	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
124	CDTALTDH14	3241120007	Đinh Thị Hồng Hạnh	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
125	CDTALTDH14	3241120008	Hồ Thị Thu Hiền	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
126	CDTALTDH14	3241120009	Phạm Thế Hiền	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	9.037.500	1.800.000	7.237.500
127	CDTALTDH14	3241120010	Lê Thị Hồng	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
128	CDTALTDH14	3241120011	Nguyễn Trang Thanh Nhi	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	0	7.317.500
129	CDTALTDH14	3241120011	Nguyễn Trang Thanh Nhi	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
130	CDTALTDH14	3241120012	Lương Thị Quỳnh	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
131	CDTALTDH14	3241120013	Ngô Thị Phương Thảo	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
132	CDTALTDH14	3241120014	Đỗ Phước Thiện	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
133	CDTALTDH14	3241120015	Nguyễn Thị Hoài Thu	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
134	CDTALTDH14	3241120016	Trịnh Thị Thúy	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
135	CDTALTDH14	3241120017	Trần Cửu Trâm	2024-2025	HK01 - Học kỳ 1	7.317.500	0	7.317.500
136	CDTALTDH14	3241120017	Trần Cửu Trâm	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500
137	CDTALTDH14	3241120018	Đặng Thị Thanh Trúc	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	9.037.500	1.800.000	7.237.500
138	CDTALTDH14	3241120019	Nguyễn Thị Như Ý	2024-2025	HK02 - Học kỳ 2	7.237.500	0	7.237.500

*Lưu ý: Sinh viên đã đóng tiền học phí đầy đủ sau thời gian 10:14 AM ngày 13/05/2025 mà có tên trong danh sách nợ vui lòng bỏ qua, Phòng Kế hoạch – Tài chính sẽ cập nhật sau.

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Trà Giang

Đồng Nai, ngày 14 tháng 05 năm 2025

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Trần Thị Thu Trang